

Số: 91/23/CBTT-DBT

TP. Bến Tre, ngày 29 tháng 07 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN
Báo Cáo Tài Chính Công Ty Mẹ Quý 2 Năm 2023

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
2. Mã chứng khoán: DBT
3. Địa chỉ trụ sở chính: 6A3, quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4. Văn phòng đại diện tại TP HCM: số 11, đường Nguyễn Trọng Quyền, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP HCM.
5. Điện thoại: 028 3622 0205 – số NB 207.
6. Người được ủy quyền công bố thông tin: Ông Nguyễn Khắc Hanh.
7. Loại thông tin công bố: định kỳ
8. Nội dung của thông tin công bố:
 - a. Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 2/2023 của Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Bến Tre được lập ngày 29/07/2023 gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, Thuyết minh BCTC.
 - b. Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 2/2023 là 8.916.979.482 đồng, tăng 2.497.009.977 đồng, tương đương tăng 39% so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân là do doanh thu thuần Quý 2/2023 đã tăng 33,75 tỷ đồng (tăng 20%) so với Quý 2/2022. Cùng với việc tăng doanh thu, Công ty cơ cấu lại danh mục sản phẩm, tập trung đẩy mạnh kinh doanh những nhóm sản phẩm có biên lợi nhuận gộp cao từ đó tỷ lệ lãi gộp Quý 2/2023 đã tăng 20% so với Quý 2/2022 (tỷ lệ lãi gộp Q2/2023 là 37%, Q2/2022 là 31%).
 - c. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://bepharco.com/quan-he-co-dong/>. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK HĐQT.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty



PHẠM THỨ TRIỆU

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	31/12/2022
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		623,868,915,181	618,631,903,535
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	8,753,228,914	9,624,120,134
1. Tiền	111		8,753,228,914	9,624,120,134
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	54,050,570,995	11,336,375,222
1. Chứng khoán kinh doanh	121		39,493,142,987	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14,557,428,008	11,336,375,222
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		203,430,302,403	187,144,366,654
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	154,058,760,340	153,986,890,974
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	10,528,991,791	1,815,065,424
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	40,160,741,118	32,386,520,995
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6,8	(1,318,190,846)	(1,044,110,739)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	9	351,490,662,189	401,683,021,651
1. Hàng tồn kho	141		360,130,670,039	411,508,689,873
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8,640,007,850)	(9,825,668,222)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,144,150,680	8,844,019,874
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	755,515,114	1,207,670,740
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19	5,388,635,566	7,541,476,107
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	94,873,027
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	31/12/2022
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		165,291,344,887	196,195,821,514
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	8	2,206,708,228	2,245,163,769
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	8	2,206,708,228	2,245,163,769
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		31,329,745,985	33,008,722,092
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	21,695,348,626	23,657,146,140
- Nguyên giá	222		58,741,088,898	59,242,577,398
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37,045,740,272)	(35,585,431,258)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	5,817,313,897	5,481,872,825
- Nguyên giá	225		7,894,932,778	6,686,873,687
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2,077,618,881)	(1,205,000,862)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	3,817,083,462	3,869,703,127
- Nguyên giá	228		5,895,780,457	5,895,780,457
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,078,696,995)	(2,026,077,330)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	-	-
- Nguyên giá	231		52,826,363	52,826,363
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52,826,363)	(52,826,363)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	3,249,068,713	2,438,539,378
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3,249,068,713	2,438,539,378
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	103,104,489,580	133,212,714,580
1. Đầu tư vào công ty con	251	16.1	85,104,489,580	85,104,489,580
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16.2	18,000,000,000	48,108,225,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16.3	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		25,401,332,381	25,290,681,695
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	17,640,715,402	20,045,538,668
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	30.3	7,760,616,979	5,245,143,027
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		789,160,260,068	814,827,725,049

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	31/12/2022
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		558,892,075,834	603,298,486,913
I. Nợ ngắn hạn	310		553,253,581,946	595,641,570,363
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	144,413,614,394	201,220,568,782
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	542,544,838	3,585,378,430
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	8,122,539,927	3,074,967,868
4. Phải trả người lao động	314		11,248,903,818	20,503,214,887
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	10,964,896,976	5,460,971,733
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		234,080,000	224,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	2,304,071,035	994,328,197
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	374,367,032,527	359,288,288,415
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,055,898,431	1,289,852,051
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
			-	-
II. Nợ dài hạn	330		5,638,493,888	7,656,916,550
1. Phải trả người bán dài hạn	331	17	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		80,000,000	80,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	5,558,493,888	7,576,916,550
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	29.3	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	31/12/2022
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		230,268,184,234	211,529,238,136
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	230,218,184,234	211,479,238,136
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		156,254,770,000	142,051,160,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		156,254,770,000	142,051,160,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		492,056,160	523,056,160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8,876,126,506	8,876,126,506
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2,536,822,093	2,536,822,093
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62,058,409,475	57,492,073,377
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		42,366,578,157	39,414,368,974
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		19,691,831,318	18,077,704,403
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		50,000,000	50,000,000
1. Nguồn kinh phí	431		50,000,000	50,000,000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		789,160,260,068	814,827,725,049



Nguyễn Thùy Dung
Người lập



Nguyễn Viết Sơn
Kế toán trưởng



Bến Tre, ngày 29 tháng 07 năm 2023

Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24.1	202,868,054,219	173,411,436,237	376,538,355,346	322,687,335,192
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24.1	302,789,232	4,601,079,456	383,551,117	4,877,841,835
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24.1	202,565,264,987	168,810,356,781	376,154,804,229	317,809,493,357
4. Giá vốn hàng bán	11	25	128,269,808,443	117,225,807,783	238,381,851,498	223,649,654,152
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74,295,456,544	51,584,548,998	137,772,952,731	94,159,839,205
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24.2	1,874,620,068	7,041,224,252	2,245,583,142	6,514,868,086
7. Chi phí tài chính	22	26	8,574,895,285	7,364,296,938	16,671,292,413	10,440,936,369
Trong đó: chi phí lãi vay	23		8,339,549,048	5,356,889,151	16,544,218,852	10,105,419,034
8. Chi phí bán hàng	25	27	47,389,132,608	34,349,728,499	81,311,590,073	61,651,879,016
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	9,937,701,633	9,376,384,498	18,167,429,299	16,772,884,835
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10,268,347,086	7,535,363,315	23,868,224,088	11,809,007,071
11. Thu nhập khác	31	28	2,063,922,190	45,875,421	2,118,274,452	555,084,356
12. Chi phí khác	32		1,015,063,272	74,201,715	1,052,323,940	76,751,440
13. Lợi nhuận khác	40		1,048,858,918	(28,326,294)	1,065,950,512	478,332,916
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,317,206,004	7,507,037,021	24,934,174,600	12,287,339,987
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30.1	4,408,531,864	1,240,656,727	7,757,817,234	2,114,556,929
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30.2	(2,008,305,342)	(153,589,211)	(2,515,473,952)	51,178,769
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8,916,979,482	6,419,969,505	19,691,831,318	10,121,604,289
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					



Nguyễn Thùy Dung
Người lập



Nguyễn Viết Sơn
Kế toán trưởng



Bến Tre, ngày 29 tháng 07 năm 2023

Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		24,934,174,600	12,287,339,987
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	2	11, 12, 13	2,887,035,198	2,038,210,289
- Các khoản dự phòng	3	6, 9	(911,580,265)	203,095,663
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	23, 25	(42,760,310)	(568,702,140)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	23, 27	(3,799,902,962)	(3,971,015,330)
- Chi phí lãi vay	6	25	16,544,218,852	10,105,419,034
- Các khoản điều chỉnh khác	7		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		39,611,185,113	20,094,347,503
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	6, 7, 8, 18	25,219,296,240	(5,303,514,509)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9	51,378,019,834	16,383,289,644
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	17, 18, 19	(63,245,804,016)	(34,230,117,417)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	10	2,856,978,892	1,981,471,722
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(39,493,142,987)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(16,714,268,707)	(10,093,661,189)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1,542,938,105)	(3,262,857,012)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1,186,838,840)	(236,200,000)
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3,117,512,576)	(14,667,241,258)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	11, 12, 13	(2,018,588,426)	(11,047,584,675)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	27	2,058,788,701	495,908,591
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3,221,052,786)	(146,339,606)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18,000,000,000)	(10,298,365,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		8,667,077,500	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	23	1,689,118,774	3,062,886,283
			-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10,824,656,237)	(17,933,494,407)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	21	313,651,512,905	315,516,917,323
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	21	(299,638,436,713)	(293,942,340,797)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(952,754,742)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	22	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13,060,321,450	21,574,576,526
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(881,847,363)	(11,026,159,139)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	9,624,120,134	16,866,684,524
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		10,956,143	(5,690,543)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	8,753,228,914	5,834,834,842

Bến Tre, ngày 29 tháng 07 năm 2023



Nguyễn Thùy Dung
Người lập



Nguyễn Viết Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNĐKKD") số 1300382591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Bến Tre cấp ngày 05 tháng 07 năm 2004, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 657/QĐ-SGDHN do HNX ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2009. Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là DBT theo Quyết định số 428/QĐ-SGDHCM do HOSE ban hành ngày 4 tháng 8 năm 2020.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là buôn bán dược phẩm, thực phẩm chức năng, vắc xin, mỹ phẩm, dụng cụ y tế, máy móc thiết bị y tế; xuất nhập khẩu các mặt hàng hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; sản xuất thuốc để chữa bệnh cho người; và cho thuê mặt bằng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Văn phòng điều hành tại số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh của Công ty như sau:

- P803, tầng 8 tòa nhà IDMC, số 21 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Số 234, Đường 30/06, Phố Bạch Đằng, P. Nam Thành, Tp. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam
- Số 725, đường Yên Ninh, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái;
- Lô A3-28 và A3-29; Đường Nguyễn Chí Diểu; Phường An Hải Bắc; Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng;
- Thôn Hòn Nghê, Đường Nguyễn Xiển, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa;
- Số 91/21A, Đường Cánh Mạng Tháng 8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ;
- Số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre và;
- Số 11, Đường Nguyễn Trọng Quyền, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Số lượng nhân viên của Công ty tại Ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 578 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 573).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 16.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc Ngày 30 tháng 06 năm 2023.

Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp tục)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký – Chứng từ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp tục)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp tục)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng mua - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
đang đi đường và hàng hóa

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp tục)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	45 - 48 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm
--------------------------	--------

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp tục)

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- ▶ Tiền thuê đất trả trước;
- ▶ Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Quyền phân phối sản phẩm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm các số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo thông báo số 1893/TB-CCT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 9 tháng 10 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 4 tháng và thông báo số 1732/TB-CT ký với Cục Thuế Tỉnh Bến Tre vào ngày 27 tháng 7 năm 2018 trong thời hạn 27 năm 6 tháng. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty bằng VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp tục)

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp tục)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền gửi ngân hàng	8,208,696,281	8,676,840,636
Tiền mặt	536,732,153	947,279,498
Tiền đang chuyển	7,800,480	
TỔNG CỘNG	8,753,228,914	9,624,120,134

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Cổ phiếu	39,493,142,987	39,493,142,987	-	-
TỔNG CỘNG	39,493,142,987	39,493,142,987		

(*) Đây là 3.470.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu (*)	8,000,000,000	8,000,000,000	8,000,000,000	8,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	6,557,428,008	6,557,428,008	3,336,375,222	3,336,375,222
TỔNG CỘNG	14,557,428,008	14,557,428,008	11,336,375,222	11,336,375,222

(*) Đây là 50.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1%/năm và 30.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu có kỳ hạn gốc mười (10) năm và hưởng lãi suất là lãi suất tham chiếu + 1%/năm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam. Toàn bộ khoản trái phiếu này đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh số 22.1).

(**) Đây là 3.489.428.008 đ khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận có kỳ hạn gốc mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 4,6%/năm. Khoản tiền gửi này được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận + 3.068.000.000 đ khoản tiền gửi tại Ngân hàng BPCE IOM - CN TPHCM, kỳ hạn 6 tháng từ 13/02/2023 đến 14/08/2023 và hưởng lãi suất 5.5%. Khoản tiền gửi này được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của công ty tại Ngân hàng BPCE IOM CN TPHCM (Thuyết minh số 21.1).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Các bên khác	153,291,566,924	153,706,155,292
Công ty CP dược phẩm FPT Long Châu	4,957,193,804	3,143,355,901
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sinh Học và Dược Phẩm Đông Dương	3,355,282,270	
Bệnh viện Ung Bướu Đà Nẵng	3,331,653,300	1,734,666,450
Khác	141,647,437,550	148,828,132,941
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	767,193,416	280,735,682
TỔNG CỘNG	154,058,760,340	153,986,890,974
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1,008,784,830)	(734,704,723)
GIÁ TRỊ THUẦN	153,049,975,510	153,252,186,251

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đang được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 22.1).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
Số đầu kỳ	734,704,723	604,738,171
Trích lập bổ sung trong kỳ	475,679,318	190,948,170
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(201,599,211)	(306,238,000)
Số cuối kỳ	1,008,784,830	489,448,341

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Các bên khác	7,528,991,791	1,815,065,424
Pharmalink, S.L.	2,054,816,265	1,098,976,560
Delorbis Pharmaceuticals Ltd	1,472,042,000	
Khác	4,002,133,526	716,088,864
Bên liên quan (Thuyết minh số 31)	3,000,000,000	-
TỔNG CỘNG	10,528,991,791	1,815,065,424

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	40,160,741,118	32,386,520,995
Tạm ứng cho nhân viên	30,250,989,240	26,441,847,111
Ký quỹ, đặt cọc	5,949,892,664	4,738,953,585
Thuế nộp thừa sau thanh tra hải quan	2,461,699,116	
Khác	1,498,160,098	1,205,720,299
Các bên liên quan (Thuyết minh số 31)		
Dài hạn	2,206,708,228	2,245,163,769
Ký quỹ, đặc cọc	2,206,708,228	2,226,942,769
Khác		18,221,000
TỔNG CỘNG	42,367,449,346	34,631,684,764
Dự phòng phải thu khác ngắn hạn khó đòi	(309,406,016)	(309,406,016)
GIÁ TRỊ THUẦN	42,058,043,330	34,322,278,748

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa (*)	349,766,053,231	(8,636,801,479)	351,698,456,281	(9,760,160,356)
Thành phẩm	6,160,243,083	(3,206,371)	2,541,553,957	(65,507,866)
Nguyên liệu, vật liệu	3,370,246,653		2,896,875,301	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	716,048,256		748,544,788	
Hàng mua đang đi đờn	49,606,816		53,570,069,546	
Hàng gửi đi bán	68,472,000		53,190,000	
TỔNG CỘNG	360,130,670,039	(8,640,007,850)	411,508,689,873	(9,825,668,222)

(*) Hàng tồn kho (dược phẩm các loại) được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng (Thuyết minh số 22.1).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu năm	9,825,668,222	9,010,569,625
Dự phòng trích lập trong kỳ	13,404,799,324	10,287,814,860
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(14,590,459,696)	(9,969,429,367)
Số cuối năm	8,640,007,850	9,328,955,118

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	755,515,114	1,207,670,740
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	146,394,907	567,207,746
Chi phí mua bảo hiểm	247,499,124	451,531,917
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho bãi và văn phòng	50,428,001	-
Khác	311,193,082	188,931,077
Dài hạn	17,640,715,402	20,045,538,668
Tiền thuê đất trả trước (*)	6,725,010,345	7,586,800,086
Chi phí hợp tác kinh doanh (**)	3,137,429,591	3,477,263,124
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2,282,825,477	2,158,316,048
Chi phí sửa chữa, cải tạo kho bãi và văn phòng	3,072,210,007	3,436,774,068
Chi phí quảng cáo	1,485,999,998	2,225,750,000
Khác	937,239,984	1,160,635,342
TỔNG CỘNG	18,396,230,516	21,253,209,408

(*) Các quyền sử dụng đất thuê tại tỉnh Bến Tre đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại (Thuyết minh số 22.1).

(**) Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ký với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo ngày 6 tháng 11 năm 2017 nhằm phục vụ các hoạt động kinh doanh chính. Chi phí này được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	25,183,544,611	15,324,332,815	12,741,005,292	5,993,694,680	59,242,577,398
Tăng trong kỳ		(235,750,000)	(265,738,500)		(501,488,500)
Thanh lý trong kỳ					-
Phân loại lại nhóm tài sản					-
Vào ngày 30/06/2023	25,183,544,611	15,088,582,815	12,475,266,792	5,993,694,680	58,741,088,898
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	6,714,087,689	10,506,835,906	3,391,713,248	1,784,729,461	22,397,366,304
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	(12,773,150,086)	(12,585,788,702)	(7,535,251,990)	(2,691,240,480)	(35,585,431,258)
Khấu hao trong kỳ	(920,367,849)	(263,359,131,00)	(529,765,965)	(248,304,569)	(1,961,797,514)
Thanh lý trong kỳ		235,750,000	265,738,500		501,488,500
Vào ngày 30/06/2023	(13,693,517,935)	(12,613,397,833)	(7,799,279,455)	(2,939,545,049)	(37,045,740,272)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	12,410,394,525	2,738,544,113	5,205,753,302	3,302,454,200	23,657,146,140
Vào ngày 30/06/2023	11,490,026,676	2,475,184,982	4,675,987,337	3,054,149,631	21,695,348,626

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Nguyên giá:	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Số đầu năm	4,302,988,457	1,592,792,000	5,895,780,457
Vào ngày 30/06/2023	4,302,988,457	1,592,792,000	5,895,780,457
Trong đó:			
Đã khấu hao hết		1,384,567,000	1,384,567,000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(517,005,354)	(1,509,071,976)	(2,026,077,330)
Hao mòn trong kỳ	(19,644,846)	(32,974,819)	(52,619,665)
Thanh lý trong kỳ			-
Phân loại lại nhóm tài sản			-
Vào ngày 30/06/2023	(536,650,200)	(1,542,046,795)	(2,078,696,995)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	3,785,983,103	83,720,024	3,869,703,127
Vào ngày 30/06/2023	3,766,338,257	50,745,205	3,817,083,462

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

Nguyên giá:	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Số đầu năm	92,727,273	6,594,146,414	6,686,873,687
Tăng trong kỳ	-	1,208,059,091	1,208,059,091
Thanh lý trong kỳ	92,727,273	7,802,205,505	7,894,932,778
Vào ngày 30/06/2023	92,727,273	7,802,205,505	7,894,932,778
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(46,363,635)	(1,158,637,227)	(1,205,000,862)
Hao mòn trong kỳ	(23,181,819)	(849,436,200)	(872,618,019)
Thanh lý trong kỳ	(69,545,454)	(2,008,073,427)	(2,077,618,881)
Vào ngày 30/06/2023	(69,545,454)	(2,008,073,427)	(2,077,618,881)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	46,363,638	5,435,509,187	5,481,872,825
Vào ngày 30/06/2023	23,181,819	5,794,132,078	5,817,313,897

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Nguyên giá:

Ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Giá trị khấu hao lũy kế:

Ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Giá trị còn lại:

Ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư:

Quyền sử dụng đất

52,826,363

(52,826,363)

-

VND

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

315,636,364

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2023

359,520,000

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Triển khai phần mềm quản trị doanh nghiệp DIGINET ERP

Chuyển giao công nghệ

TỔNG CỘNG

Ngày 30 tháng 06 năm 2023

2,766,568,713

482,500,000

3,249,068,713

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

2,438,539,378

2,438,539,378

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 16.1)	85,104,489,580	85,104,489,580
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 16.2)	18,000,000,000	48,108,225,000
TỔNG CỘNG	103,104,489,580	133,212,714,580

16.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Chi phí đầu tư	% Sở hữu	Chi phí đầu tư	% Sở hữu
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Đang hoạt động	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	69,104,489,580	92.40%	69,104,489,580	92.40%
Công ty Cổ phần Bepharco Health Care	Đang hoạt động	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm	16,000,000,000	100.00%	16,000,000,000	100.00%

(*) 3.485.470 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Thuyết minh số 22.1).

16.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty con	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Chi phí đầu tư	% Sở hữu	Chi phí đầu tư	% Sở hữu
Công ty cổ phần Ypharco Healthcare	Đang hoạt động	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	18,000,000,000	20%	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Đang hoạt động	Kinh doanh dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh	-	-	48,108,225,000	23,14%

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
NGÁN HẠN	144,413,614,394	201,220,568,782
Các bên khác	94,638,696,032	149,926,781,772
<i>Công ty TNHH Raptakos Brett</i>	32,567,550,148	78,873,593,832
<i>Công Ty TNHH Gedeon Richter Việt Nam</i>	26,555,546,252	5,340,710,886
<i>Khác</i>	35,515,599,632	65,712,477,054
Bên liên quan (Thuyết minh số 31)	49,774,918,362	51,293,787,010
TỔNG CỘNG	144,413,614,394	201,220,568,782

18. NGƯỜI MUA TRẢ TRƯỚC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngán hạn	542,544,838	3,585,378,430
<i>Công ty TNHH Dược và thiết bị y tế Việt Âu</i>	260,000,000	-
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Meracine</i>	229,900,000	-
<i>Công ty Cổ phần Công Nghệ Sinh Học và Dược Phẩm Đông Dương</i>	-	2,079,485,520
<i>VPĐD Chemical Works of Gedeon Richter Plc tại Tp. Hồ Chí Minh</i>	-	796,468,817
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Đức</i>	-	346,641,007
<i>Khác</i>	52,644,838	362,783,086
TỔNG CỘNG	542,544,838	3,585,378,430

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 06 năm 2023
Phải nộp				
Thuế TNDN	1,625,348,104	7,791,417,234	1,542,938,105	7,873,827,233
Thuế GTGT nội địa		54,984,978,986	54,984,978,986	-
Thuế GTGT nhập khẩu		3,684,217,412	3,684,217,412	-
Thuế TNCN	1,449,619,764	2,375,449,442	3,576,356,512	248,712,694
TỔNG CỘNG	3,074,967,868	68,836,063,074	63,788,491,015	8,122,539,927
Phải thu				
Thuế GTGT	7,541,476,107	52,657,566,985	54,810,407,526	5,388,635,566
Thuế nhập khẩu	94,873,027		94,873,027	-
Thuế TNCN				-
TỔNG CỘNG	7,636,349,134	52,657,566,985	54,905,280,553	5,388,635,566

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí khen thưởng nhân viên	3,388,144,678	861,581,345
Chi phí khuyến mại	2,881,179,309	3,006,524,910
Chi phí du lịch cho nhân viên	1,999,999,999	-
Lãi vay	553,026,912	723,076,767
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	167,500,006	225,000,004
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1,975,046,072	277,216,730
Chi phí khác		367,571,977
TỔNG CỘNG	10,964,896,976	5,460,971,733

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn	2,304,071,035	994,328,197
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa sau quyết toán	1,049,012,769	-
Cổ tức phải trả	429,488,150	429,488,150
Kinh phí công đoàn	682,839,303	496,566,134
Khác	142,730,813	68,273,913
Dài hạn	80,000,000	80,000,000
Ký quỹ đã nhận	80,000,000	80,000,000
TỔNG CỘNG	2,384,071,035	1,074,328,197

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

22. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Vay trong kỳ	Phân loại lại	Trả trong kỳ	Ngày 30 tháng 06 năm 2023
Vay ngắn hạn	359,288,288,415	312,443,453,814	1,720,332,935	(299,085,042,637)	374,367,032,527
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	351,270,365,930	312,443,453,814		(294,885,069,713)	368,828,750,031
Vay các bên khác (Thuyết minh số 22.2)	87,436,637			(500,000,000)	87,436,637
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 22.3)	3,500,000,000			(3,098,550,000)	3,000,000,000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 22.4)	3,227,640,000		1,118,910,000	(3,098,550,000)	1,248,000,000
Nợ thuế tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 22.5)	1,202,845,848		601,422,935	(601,422,924)	1,202,845,859
Vay dài hạn	7,576,916,550	1,208,059,091	(1,720,332,935)	(1,506,148,818)	5,558,493,888
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.3)	4,791,685,318		(1,118,910,000)	(1,154,817,000)	2,517,958,318
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh số 22.4)	2,785,231,232	1,208,059,091	(601,422,935)	(351,331,818)	3,040,535,570
TỔNG CỘNG	366,865,204,965	313,651,512,905		(300,591,191,455)	379,925,526,415

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng để bổ sung vốn lưu động được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi (vnd)	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre	309,200,457,502	05/08/2023 đến 01/03/2024	9%, 8.2%, 8.0%, 8.7%	80.000 trái phiếu với mệnh giá 100.000 VND/ trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam phát hành;
Khoản vay 1				- 3.485.470 cổ phiếu do Công ty Cổ phần Dược Yên Bái phát hành;
				- Quyền thu nợ đối với toàn bộ các khoản phải thu khách hàng;
				- Hàng tồn kho được phẩm các loại: Nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, các quyền sử dụng đất thuê tại thửa đất số 13, số 85, số 77, số 80, số 81, số 144, số 10, số 43 tỉnh Bến Tre

- Các phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Dược Bến Tre và;
- Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sơn – Chất dẻo.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÉN TRÉ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

22.1 Vay ngắn hạn ngân hàng
Ngân hàngNgày 30 tháng 06 năm 2023
Kỳ hạn trả gốc và lãi (vnd)
Lãi suất (%/năm)

Mục đích

Hình thức đảm bảo

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận

Khoản vay 1	34,688,143,583	10/08/2023 đến 22/12/2023	9%, 8.7%		
				- Hợp đồng tiền gửi trị giá 3.489.428.008 VND;	
				- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thừa đất 295, tờ bản đồ số 64, Khu vực 2, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ;	
				- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Thừa đất số 82, tờ bản đồ số 64, 91/21A đường CMT8, Phường An Thới, Quận Bình Thủy, Tp. Cần Thơ.	
				- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thừa đất số 01, tờ bản đồ số 480/2010/TĐ.BĐ, Thôn Hòn Nghé, Xã Vĩnh Ngọc, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.	
				- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 06 Nguyễn Chí Diểu, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng	

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Tp. Hồ Chí Minh

Khoản vay 1 839,563,322 30/09/2023 9%

Tin chấp

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung TPHCMKhoản vay 1 19,699,178,454 21/12/2023 đến
25/01/2023 8.85%

Tin chấp

Ngân hàng BPCE IOM - CN Thành Phố Hồ Chí MinhKhoản vay 1 4,401,407,170 01/09/2023 đến
17/09/2023 9.60%- Hợp đồng tiền gửi trị giá 3.068.000.000 VND
- Hàng tồn kho và nợ phải thu**TỔNG CỘNG 368,828,750,031****22.2 Vay ngắn hạn các bên khác**

(*) Các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác là các khoản vay tín chấp từ Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo, người tàn tật và trẻ em mồ côi tỉnh Bến Tre; từ nhân viên của Công ty và từ các cá nhân khác để bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Các khoản vay này có thời hạn dưới 6 tháng, với lãi suất của ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ.

22.3 Vay ngắn hạn bên liên quan**Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái**

Khoản vay 1 3,000,000,000 14/07/2023 7,2%

Tin chấp

TỔNG CỘNG 3,000,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

22.4 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Kỳ hạn trả gốc và lãi (vnd)	Lãi suất (%/ năm)	Mục đích	Hình thức đảm bảo
-----------	---------------------------	-----------------------------	-------------------	----------	-------------------

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre**Khoản vay 1**

Vay dài hạn	2,517,958,318	Ngày 25 tháng 06 năm 2024, 25/10/2025	9.80%	Sửa chữa kho tại Bến Tre, nâng cấp phần mềm ERP	- Thửa đất số 13, bản đồ số 5, số 6A3, Quốc lộ 60, Phường Phú Tân, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
Vay dài hạn đến hạn trả	1,248,000,000				
TỔNG CỘNG	3,765,958,318				
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	1,248,000,000				

22.5 Các khoản thuế tài chính

Chi tiết các khoản thuế tài chính được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Tăng trong kỳ	Phân loại lại	Trả trong kỳ	Ngày 30 tháng 06 năm 2023
Nợ thuế tài chính ngắn hạn					
Từ 1 năm trở xuống	1,202,845,848		601,422,935	(601,422,924)	1,202,845,859
Nợ thuế tài chính dài hạn					
Từ 1-5 năm	2,785,231,232	1,208,059,091	(601,422,935)	(351,331,818)	3,040,535,570
TỔNG CỘNG	3,988,077,080			(952,754,742)	4,243,381,429

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÉN TRE**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**23.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm (01/01/2022)	142,051,160,000	523,056,160	8,876,126,506	2,536,822,093	40,103,758,429	194,090,923,188
Lợi nhuận thuần trong kỳ					10,121,604,289	10,121,604,289
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					(689,389,455)	(689,389,455)
Thù lao HĐQT					(180,000,000)	(180,000,000)
Số cuối năm (30/06/2022)	142,051,160,000	523,056,160	8,876,126,506	2,536,822,093	49,355,973,263	203,343,138,022
Năm nay						
Số đầu năm (01/01/2023)	142,051,160,000	523,056,160	8,876,126,506	2,536,822,093	57,492,073,377	211,479,238,136
Lợi nhuận thuần trong kỳ					19,691,831,318	19,691,831,318
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	14,203,610,000				(14,203,610,000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi					(921,885,220)	(921,885,220)
Thù lao HĐQT					-	-
Khác		(31,000,000)				(31,000,000)
Số cuối kỳ (30/06/2023)	156,254,770,000	492,056,160	8,876,126,506	2,536,822,093	62,058,409,475	230,218,184,234

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÉN TRE**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**23.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Vốn đã góp của chủ sở hữu	142,051,160,000	142,051,160,000
Số đầu năm	14,203,610,000	
Vốn góp tăng trong năm	156,254,770,000	142,051,160,000
Số cuối năm		

23.3 Cổ tức

	06 tháng năm 2023	06 tháng năm 2022
Cổ tức đã công bố trả trong kỳ		-
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	14,203,610,000	

23.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành		14,205,116
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	1,562,577	14,205,116
Cổ phiếu phổ thông	1,562,577	14,205,116
Cổ phiếu đang lưu hành	1,562,577	14,205,116
Cổ phiếu phổ thông	1,562,577	14,205,116

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

24 DOANH THU**24.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 2	Lũy kế năm	Quý 2	Lũy kế năm
Tổng doanh thu	202,868,054,219	376,538,355,346	173,411,436,237	322,687,335,192
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu bán hàng hóa	198,933,156,164	368,311,694,631	171,138,541,895	319,006,523,740
Doanh thu bán thành phẩm	3,684,820,425	7,780,920,448	2,079,831,404	3,314,966,891
Doanh thu cho thuê mặt bằng	191,520,000	359,520,000	162,909,091	315,636,364
Doanh thu cung cấp dịch vụ	58,557,630	86,220,267	30,153,847	50,208,197
Khoản giảm trừ doanh thu	302,789,232	383,551,117	4,601,079,456	4,877,841,835
Chiết khấu thương mại	-	-	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-	-	-
Hàng bán bị trả lại	302,789,232	383,551,117	4,601,079,456	4,877,841,835
Doanh thu thuần	202,565,264,987	376,154,804,229	168,810,356,781	317,809,493,357
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa	198,630,366,932	367,928,143,514	166,537,462,439	314,136,360,958
Doanh thu thuần từ bán thành phẩm	3,684,820,425	7,780,920,448	2,079,831,404	3,307,287,838
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	250,077,630	445,740,267	193,062,938	365,844,561
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu thuần đối với các bên khác	202,201,733,337	375,516,133,918	168,810,356,781	316,047,034,970
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan	363,531,650	638,670,311	-	1,762,458,387

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 2	Lũy kế năm	Quý 2	Lũy kế năm
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	324,088,869	461,708,571	1,725,458,894	2,471,059,207
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	42,760,310	2,020,331,916	568,702,140
Cổ tức được chia	1,268,085,000	1,268,085,000	2,958,865,000	2,958,865,000
Lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	230,450,712	421,033,774	336,568,442	516,241,739
Thanh lý khoản đầu tư	51,995,487	51,995,487	-	-
TỔNG CỘNG	1,874,620,068	2,245,583,142	7,041,224,252	6,514,868,086

25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 2	Lũy kế năm	Quý 2	Lũy kế năm
Giá vốn hàng hoá	126,141,209,771	233,837,903,575	114,385,879,723	219,573,728,650
Giá vốn thành phẩm	2,106,409,824	4,498,781,821	2,773,474,112	3,927,790,360
Giá vốn cho thuê hoạt động	20,920,800	41,841,600	41,841,600	41,841,600
Giá vốn khác	1,268,048	3,324,502	24,612,348	106,293,542
TỔNG CỘNG	128,269,808,443	238,381,851,498	117,225,807,783	223,649,654,152



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 2	Lũy kế năm	Quý 2	Lũy kế năm
Chi phí lãi vay	8,339,549,048	16,544,218,852	5,356,889,151	10,105,419,034
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	12,654,186	107,800,644	306,497,428	335,517,335
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	205,913,035	-	1,700,910,359	-
Khác	16,779,016	19,272,917	-	-
TỔNG CỘNG	8,574,895,285	16,671,292,413	7,364,296,938	10,440,936,369

27 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 2	Lũy kế năm	Quý 2	Lũy kế năm
Chi phí bán hàng	47,389,132,608	81,311,590,073	34,349,728,499	61,651,879,016
Chi phí nhân viên	27,482,235,740	49,249,041,818	28,196,415,981	49,595,500,064
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12,240,192,726	25,029,983,446	4,452,954,317	8,736,906,849
Chi phí khấu hao	823,672,573	1,651,919,891	612,207,081	1,185,416,176
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	718,097,967	1,686,262,252	364,304,707	-
Khác	6,124,933,602	3,694,382,666	723,846,413	2,134,055,927
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9,937,701,633	18,167,429,299	9,376,384,498	16,772,884,835
Chi phí nhân viên	4,380,108,181	8,613,010,870	5,379,131,483	10,259,117,846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,751,568,535	5,987,868,496	2,479,444,530	4,604,110,431
Chi phí khấu hao	539,013,106	1,064,085,190	447,306,857	608,960,621
Chi phí vật liệu quản lý	158,805,246	357,761,668	157,216,353	952,914,666
Khác	1,108,206,565	2,144,703,075	913,285,275	347,781,271
TỔNG CỘNG	57,326,834,241	99,479,019,372	43,726,112,997	78,424,763,851

28 THU NHẬP KHÁC

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 2	Lũy kế năm	Quý 2	Lũy kế năm
Thu nhập khác	2,063,922,190	2,118,274,452	45,875,421	555,084,356
Thanh lý tài sản	2,058,788,701	2,058,788,701	-	495,908,591
Khác	5,133,489	59,485,751	45,875,421	59,175,765
Chi phí khác	1,015,063,272	1,052,323,940	74,201,715	76,751,440
Phạt thuế	981,096,323	981,096,323	-	25,926,623
Khác	33,966,949	71,227,617	74,201,715	50,824,817
Lợi nhuận khác	1,048,858,918	1,065,950,512	(28,326,294)	478,332,916

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

29 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 2	Lũy kế năm	Quý 2	Lũy kế năm
Chi phí hàng hóa	128,247,619,595	233,837,903,575	117,218,377,384	218,429,855,545
Chi phí nhân viên	33,231,163,639	60,456,465,211	33,575,547,464	62,996,641,280
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16,414,480,197	31,017,851,942	6,932,398,847	11,030,455,377
Chi phí nguyên vật liệu	3,259,556,799	6,437,174,245	521,521,060	3,944,300,543
Chi phí khấu hao	1,448,200,737	2,887,035,198	1,059,513,938	2,038,210,289
Chi phí khác	2,995,621,717	3,224,440,699	1,637,131,688	3,634,954,969
TỔNG CỘNG	185,596,642,684	337,860,870,870	160,944,490,381	302,074,418,003

30 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế

30.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay		Năm trước	
	Quý 2	Lũy kế năm	Quý 2	Lũy kế năm
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4,408,531,864	7,757,817,234	1,240,656,727	2,114,556,929
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(2,008,305,342)	(2,515,473,952)	(153,589,211)	51,178,769
TỔNG CỘNG	2,400,226,522	5,242,343,282	1,087,067,516	2,165,735,698

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán

30.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả HĐKD	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2023	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc 30 tháng 06 năm 2022
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Chi phí lãi vay	6,195,123,504	5,543,193,149	651,930,355	4,514,263,829
Chi phí trích trước	2,192,979,395	397,402,501	1,795,576,894	466,363,782
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chi phí cải tạo, sửa chữa kho và văn phòng	(627,485,920)	(695,452,623)	67,966,703	(763,419,323)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại thuần	7,760,616,979	5,245,143,027		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào KQKD 6 tháng			2,515,473,952	4,217,208,288

15
1
7
4
1
7
1
1

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào Ngày 30 tháng 06 năm 2023
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

31 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Mua hàng hóa	39,950,487,326	22,944,704,960
		Bán hàng hóa	493,900,100	5,885,715,107
		Vay	-	-
		Trả lại hàng	10,238,095	4,338,008,160
		Trả nợ vay	500,000,000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Sử dụng dịch vụ	141,108,682	-
		Cổ tức	1,268,085,000	2,958,865,000
		Bán hàng hóa	155,008,306	214,831,440

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			767,193,416	280,735,682
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Bán hàng hóa	685,798,729	177,953,624
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	81,394,687	102,782,058
Trả trước cho người bán			3,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Ypharco Health Care	Bên liên quan	Tiền thuê kho	3,000,000,000	-
Phải trả người bán ngắn hạn			49,774,918,362	51,293,787,010
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Mua hàng hóa	49,774,918,362	51,293,787,010
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	-
Vay ngắn hạn			3,000,000,000	3,500,000,000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Vay	3,000,000,000	3,500,000,000
Chi phí phải trả			1,104,142,931	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	Công ty con	Lãi vay	123,484,931	-
Công ty Cổ phần Ypharco Health Care	Công ty liên kết	Thuê kho	980,658,000	-

32 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngoại tệ		
USD	88,916	88,802
EUR	17,265	17,265

33 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty

34 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2022



Nguyễn Thùy Dung
Người lập



Nguyễn Viết Sơn
Kế toán trưởng



Bến Tre, ngày 29 tháng 07 năm 2023

Phạm Thứ Triệu
Tổng Giám đốc